

Quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số: Lí luận và định hướng hoàn thiện

Nghiêm Xuân Dũng

Email: dungnx.psa@gmail.com
 Học viện An ninh Nhân dân
 125 Trần Phú, phường Văn Quán,
 quận Hà Đông, Hà Nội, Việt Nam

TÓM TẮT: Tiếp tục xây dựng và định hướng hoàn thiện quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số là một nhiệm vụ quan trọng và trọng tâm của đổi mới hệ thống giáo dục, đào tạo nước ta hiện nay. Để đạt được mục tiêu, yêu cầu đặt ra đòi hỏi phải có cách thức tiến hành khoa học, bài bản và xác định lộ trình tiến hành phù hợp, hiệu quả, khả thi; hướng tới nhằm xác định, định hướng và những mục tiêu cụ thể cho quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số. Bên cạnh đó, tác giả nghiên cứu và đề xuất mô hình quản trị nhà nước đối với 10 cơ sở giáo dục này. Vai trò của quản trị nhà nước được xem là yếu tố tác động và có ảnh hưởng (can thiệp) rất lớn đối với định hướng, hoạt động của cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số. Nghiên cứu cũng chỉ ra những thuận lợi và thách thức do xu thế chuyển đổi số đem lại cho công tác quản trị nhà nước và cho chính các cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân.

TỪ KHÓA: Quản trị nhà nước, cơ sở giáo dục đại học, giáo dục đại học, Công an Nhân dân, chuyển đổi số.

→ Nhận bài 25/3/2022 → Nhận bài đã chỉnh sửa 5/4/2022 → Duyệt đăng 15/5/2022.

DOI: <https://doi.org/10.15625/2615-8957/12210508>

1. Đặt vấn đề

1.1. Xu thế chuyển đổi số trong giáo dục đại học

Trước yêu cầu chuyển đổi số đang diễn ra mạnh mẽ, ngành Giáo dục - đặc biệt là các cơ sở giáo dục đại học xác định sứ mệnh tiên phong trong thực hiện nhiệm vụ này, góp phần rút ngắn quá trình đổi mới, nâng cao chất lượng giáo dục, đóng góp tích cực vào quá trình chuyển đổi số quốc gia [1]. Đối với giáo dục nói chung, giáo dục đại học nói riêng, chuyển đổi số mang lại cơ hội áp dụng công nghệ để tạo ra những thay đổi nhanh chóng về mô hình, cách thức tổ chức và phương pháp dạy - học. Khi bàn về chuyển đổi số trong giáo dục cần đề cập đến khái niệm “giáo dục thông minh”, IBM định nghĩa như sau [2]: “Một hệ thống giáo dục liên ngành, lấy người học làm trung tâm, kết nối các cơ sở giáo dục và cung cấp: 1/ Các chương trình học tập thích ứng và điều kiện học tập tốt cho người học; 2/ Công nghệ dạy - học hợp tác và tài nguyên số cho giảng viên và người học; 3/ Quy trình quản trị được tin học hóa, hoạt động trong lớp học được giám sát và báo cáo; 4/ Thường xuyên cập nhật thông tin về người học; 5/ Tài nguyên học tập trực tuyến cho người học ở khắp mọi nơi”.

Tại Việt Nam, trong quản lí giáo dục, toàn ngành đã triển khai số hóa, xây dựng cơ sở dữ liệu dùng chung từ trung ương đến 63 sở giáo dục và đào tạo, 710 phòng giáo dục và đào tạo, khoảng 53.000 cơ sở giáo dục.

Hiện nay, đã số hóa và định danh dữ liệu của khoảng 53.000 trường học; 1,4 triệu giáo viên; 23 triệu học sinh. Cơ sở dữ liệu này vừa qua đã hỗ trợ đắc lực công tác tuyển sinh và thống kê, báo cáo trong toàn ngành; giúp các cấp quản lí ban hành chính sách quản lí có hiệu quả, góp phần giải quyết vấn đề thừa thiếu giáo viên ở các nhà trường theo từng địa phương, môn học. Đối với các trường đại học, cao đẳng, Việt Nam đã số hóa thông tin của gần 400 trường với 2,5 triệu sinh viên và hơn 120 ngàn giảng viên; kết nối với các nền tảng giáo dục và hệ thống báo cáo quốc gia, công bố mở hệ thống mã định danh, khi dữ liệu của hệ thống Hệ tri thức Việt số hóa cũng đã được phát triển với cơ sở dữ liệu rất lớn. Như vậy, với nguồn cơ sở dữ liệu, học liệu lớn như vậy, nó sẽ tăng được hiệu quả trong đào tạo trực tuyến, trong chuyển đổi số, đặc biệt là ứng phó rất tốt trong giai đoạn dịch bệnh COVID-19 trong gần ba năm qua [3].

1.2. Chuyển đổi số trong các cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân

Xu thế chuyển đổi số đã và đang tác động trực tiếp tới lĩnh vực giáo dục đại học trong Công an Nhân dân.

Hiện nay, trong 10 cơ sở giáo dục đại học thuộc Bộ Công an, cuộc cách mạng về chuyển đổi số diễn ra rất mạnh mẽ, tốc độ cao với nhiều nội dung đã, đang và sẽ ảnh hưởng sâu sắc và toàn diện đến các hoạt động của

nhà trường. Chính điều này đã đặt ra yêu cầu nghiêm túc cho Bộ Công an về sự thay đổi trong mục tiêu, nội dung, phương thức quản trị nhà nước đối với nhóm cơ sở giáo dục đại học này để định hướng, chỉ đạo và tạo ra hệ sinh thái thuận lợi cho các cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân phát triển trên tinh thần bền vững và hoạt động hiệu quả. Việc nghiên cứu và hoàn thiện về quản trị nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số là vấn đề hết sức cấp thiết hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Phương pháp nghiên cứu

Bài viết sử dụng tổng hợp nhiều phương pháp nghiên cứu cụ thể nhằm làm sáng tỏ các luận điểm cần chứng minh. Để giải quyết những vấn đề mang tính lí luận, sau đó đưa ra những quan niệm của cá nhân, tác giả sử dụng phương pháp hệ thống, phân tích, tổng hợp, so sánh nhằm đưa ra các kết luận cần thiết, Để đánh giá thực trạng, tác giả sử dụng kết hợp phương pháp phân tích, tổng hợp lí thuyết và phương pháp đánh giá, tổng kết thực tiễn thông qua kết quả thống kê, báo cáo; Phương pháp hệ thống, dự báo, giải thích, diễn dịch, tiếp cận đa ngành và liên ngành giúp đưa ra những định hướng, mục tiêu và đề xuất mô hình.

2.2. Một số vấn đề lí luận về quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số

2.2.1. Quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học

a. Quản trị nhà nước

Cuốn sách *“Educational Administration and History: The state of the field”* của tác giả Tanya Fitzgerald, Helen Gunter, xuất bản năm 2009 tổng hợp các bài báo của học giả hàng đầu trong lĩnh vực quản trị giáo dục nhằm đưa ra những phân tích về quản trị giáo dục hiện đại, lịch sử và chính sách cũng như tác động của điều này đối với giáo viên, lãnh đạo, trường học và ngành Giáo dục, đồng thời cũng cung cấp cho độc giả một cái nhìn sâu sắc có giá trị về các quan điểm lí luận, phương pháp luận và tác động mạnh mẽ của quá trình quản trị nhà nước đối với giáo dục.

Siran Mukerji (Indira Gandhi National Open University, India) và Purnendu Tripathi (Indira Gandhi National Open University, India) trong Sổ tay *“Handbook of Research on Administration, Policy, and Leadership in Higher Education”* xuất bản năm 2017 là một nguồn tài liệu tham khảo về vấn đề quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục, thực hiện khung chính sách và duy trì quản lí hiệu quả.

Ở Việt Nam, trong cuốn sách *“Quản lí Nhà nước về Giáo dục Đại học: Kinh nghiệm của Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam”* của tác giả Mai Ngọc Anh được xuất bản năm 2020. Cuốn sách đã cho chúng ta cái nhìn tổng thể về tổng quan hệ thống chính sách

đối với giáo dục đại học và kết quả thực hiện chính sách phát triển giáo dục đại học của Trung Quốc từ năm 1978 đến nay; phân tích thực trạng chiến lược, chính sách đối với phát triển giáo dục đại học của Việt Nam thời gian qua.

Đề tài *“Nghiên cứu mô hình đại học tự chủ và các giải pháp tăng quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm của các cơ sở giáo dục đại học ở Việt Nam giai đoạn 2018 -2025, tầm nhìn 2030”* do Trường Đại học Giáo dục, Đại học Quốc gia Hà Nội chủ trì, Đào Trọng Thi làm chủ nhiệm đã cung cấp luận cứ khoa học, tham mưu cho các cơ quan hoạch định chính sách trong việc ban hành các chính sách về tự chủ, trách nhiệm giải trình của các cơ sở giáo dục đại học hướng tới việc nâng cao hiệu quả, hiệu lực sử dụng nguồn ngân sách nhà nước cho giáo dục.

Từ các quan niệm trên, có thể hiểu: Quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học *“Là sự tác động có tổ chức, điều chỉnh bằng quyền lực nhà nước đến các quá trình, quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của cơ sở giáo dục đại học, thông qua các hoạt động: chiến lược, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra và sử dụng các nguồn lực nhằm đạt được mục tiêu của Nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học, thực hiện có hiệu quả các chức năng, nhiệm vụ của nhà nước, duy trì sự tồn tại và phát triển của Nhà nước, xây dựng và định hướng hoàn thiện hệ thống quản trị, phục vụ cho sự nghiệp giáo dục đại học”* [4].

b. Vai trò của quản trị nhà nước

Nhà nước trong quan niệm hiện đại là tổ chức đặc biệt của xã hội, bao gồm một lớp người được tách ra từ xã hội nhằm tổ chức và quản trị xã hội phục vụ lợi ích chung của toàn xã hội cũng như lợi ích của lực lượng cầm quyền trong xã hội. Nhà nước là sản phẩm của sự phát triển xã hội. Nhà nước sinh ra từ xã hội. Xã hội là nền tảng, là cơ sở tồn tại và phát triển của Nhà nước. Bất kì nhà nước nào ra đời, tồn tại và phát triển cũng đều có hai vai trò, chức năng cơ bản là: chức năng quản trị và chức năng xã hội (hay chức năng phục vụ). Đồng thời, Nhà nước có vai trò là chủ thể quản trị xã hội, duy trì sự tồn tại và phát triển xã hội. Như vậy, vai trò của quản trị nhà nước là vai trò cố hữu, cơ bản, chủ yếu của Nhà nước. Vai trò của quản trị nhà nước thể hiện ở chỗ nó quyết định sự tồn tại và phát triển của Nhà nước. Peter Drucker đã khẳng định: Quản trị, năng lực quản trị, tính nhất quán của quản trị và việc thực hiện quản trị có ý nghĩa quyết định đối với cả nước Mĩ và các nước khác trong các thập niên tới [4].

Thực tiễn cho thấy, các nước phát triển như: Mĩ, Đức, Pháp, Nhật Bản, Xinh-ga-po đều có hệ thống quản trị nhà nước tiên tiến và hiện đại. Trong điều kiện phát triển nhanh chóng của khoa học - công nghệ và hội nhập quốc tế mạnh mẽ, yếu tố con người và trí thức trở thành yếu tố chủ yếu của năng lực cạnh tranh quốc gia thì quản trị nhà nước nói chung, quản trị nhà nước

đối với cơ sở giáo dục đại học nói riêng có vai trò quan trọng hơn bao giờ hết. Đó là vai trò chung, vai trò chủ yếu của quản trị nhà nước [5].

Quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học còn có các vai trò như định hướng, dẫn đường cho các hoạt động giáo dục - đào tạo, giúp giáo dục - đào tạo phát triển nhanh và bền vững; tổ chức, vai trò này thể hiện rõ ở chức năng tổ chức của quản trị nhà nước. Chức năng tổ chức là chức năng cơ bản, chức năng quan trọng của quản trị nhà nước. Vai trò tổ chức của quản trị nhà nước thể hiện ở chỗ nó có sứ mệnh thiết lập bộ máy quản trị tối ưu, quản trị sử dụng có hiệu quả nguồn nhân lực làm việc trong bộ máy quản trị nhà nước và tổ chức triển khai thực hiện có hiệu quả chiến lược, quy hoạch, kế hoạch, thể chế, chính sách vào thực tiễn cuộc sống; lãnh đạo, điều hành phối hợp các hoạt động trong quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học, kích lệ, động viên truyền cảm hứng, tạo động lực làm việc cho các chủ thể, các cá nhân tổ chức tham gia quản trị và các đối tượng quản trị nhà nước. Quản trị nhà nước cần có sự giám sát kiểm tra các hoạt động của các cá nhân, tổ chức tham gia quản trị và các đối tượng của quản trị nhà nước để giữ gìn trật tự công, lợi ích công, lợi ích của người dân và kịp thời phát hiện các sai sót, vi phạm trong quản trị nhà nước, giúp quản trị nhà nước đạt được các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra với hiệu quả cao nhất [6].

c. Đặc điểm, tính chất của quản trị nhà nước

Đặc điểm, tính chất của quản trị nhà nước bị chi phối bởi bản chất, vai trò của Nhà nước. Mục tiêu, mục đích của quản trị nhà nước là duy trì trật tự công, phục vụ lợi ích công, quyền và lợi ích hợp pháp của công dân (người dân). Quản trị nhà nước không vì mục tiêu lợi nhuận (phi lợi nhuận). Quản trị nhà nước là một dạng quản trị xã hội mang tính quyền lực, sử dụng quyền lực nhà nước để điều chỉnh các quan hệ xã hội và hành vi hoạt động của người dân, phù hợp với các quy luật khách quan và theo mục tiêu, ý chí của chủ thể quản trị nhà nước. Thực chất, bản chất của quản trị nhà nước là hoạt động mang tính chấp hành và điều hành của chính quyền hành pháp, hành chính nhà nước. Cụ thể, đó là quyền chấp hành, thực thi pháp luật và quyền quản trị tất cả các lĩnh vực của đời sống kinh tế, xã hội, các lĩnh vực đối nội và đối ngoại của Nhà nước [6].

Chủ thể quản trị nhà nước là các cơ quan nhà nước có thẩm quyền, bao gồm cơ quan lập pháp, cơ quan hành pháp và cơ quan tư pháp, trong đó cơ quan có chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và thẩm quyền trực tiếp quản trị nhà nước là cơ quan hành pháp, đứng đầu là chính phủ. Quản trị nhà nước mang tính chính trị, phục vụ chính trị, nhưng cũng có tính độc lập tương đối ở tính khoa học, tính chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật, yếu tố bảo đảm hiệu lực, hiệu quả cao của quản trị nhà nước [4].

Quản trị nhà nước mang tính khoa học, tính chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật. Tính chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ thuật yêu cầu thực hiện, giải quyết các chức năng,

nhiệm vụ của quản trị nhà nước đòi hỏi các chủ thể quản trị nhà nước phải có kiến thức, kỹ năng và phương pháp, nghệ thuật quản trị nhất định. Nói cách khác, đặc điểm, tính chất này yêu cầu quản trị nhà nước phải dựa trên cơ sở và vận dụng sáng tạo các quy luật, các nguyên tắc, các phương pháp của các chuyên ngành khoa học: Quản trị, hành chính, tổ chức, pháp lý, chính sách công, tâm lý học, xã hội học và điều khiển học... Trong đó, khoa học quản trị hay quản trị học đóng vai trò chủ yếu và quyết định [4].

Quản trị nhà nước có đặc điểm khác với quản trị các tổ chức tư ở chỗ quản trị nhà nước sử dụng các công cụ đặc thù như: quyền lực công, thể chế, chính sách công, các nguồn lực công. Các công cụ đặc thù này chỉ có chủ thể quản trị nhà nước mới có. Quản trị nhà nước mang tính phi lợi nhuận, còn quản trị các tổ chức tư vì mục tiêu lợi nhuận. Sở dĩ quản trị nhà nước, hoạt động quản trị nhà nước mang tính phi lợi nhuận vì quản trị nhà nước sử dụng các công cụ đặc thù như: quyền lực công - quyền lực Nhà nước và tài chính công. Nhưng, quyền lực công - quyền lực nhà nước là quyền lực của Nhân dân, còn tài chính công lại chủ yếu do thuế và công sức của nhân dân đóng góp mà có. Nên quản trị nhà nước không thể chạy theo lợi nhuận [5].

d. Nghiên cứu về tự chủ đại học của các cơ sở giáo dục đại học

Báo cáo tổng quan về xu thế quản trị đại học trên thế giới của World Bank (2008) khái quát bốn mô hình quản trị đại học với các mức độ tự chủ khác nhau: mô hình Nhà nước kiểm soát hoàn toàn (state control) như ở Malaysia; mô hình bán tự chủ (semi - autonomous) như ở Pháp và New Zealand; mô hình bán độc lập (semi-independent) ở Singapore và mô hình độc lập (independent) ở Anh, Úc. Trong mô hình Nhà nước kiểm soát thì cơ sở giáo dục đại học vẫn được hưởng một mức độ tự chủ nhất định vì những lí do tài chính và thực tiễn. Nhà nước không thể kiểm soát được tất cả các hoạt động của cơ sở giáo dục đại học và ngay trong mô hình độc lập thì vẫn có những mặc định ngầm về quyền của Nhà nước nắm giữ một số kiểm soát về mặt chiến lược và có quyền yêu cầu tính giải trình cao ở các cơ sở giáo dục đại học. Neave (1988) đưa ra một hệ thống phân loại khác về các hình thức tự chủ: mô hình Kant, trong đó Nhà nước chỉ can thiệp vào một số vấn đề nhất định; mô hình Humboldt, trong đó vai trò Nhà nước là vai trò hỗ trợ; mô hình Napoleon quan niệm rằng, vai trò đại học rõ ràng phải phụ thuộc vào nhà nước; mô hình Anh, trong đó các tập đoàn học giả có tài sản được nhà nước hỗ trợ mà không can thiệp [7].

Hiệp hội Đại học Châu Âu đã chỉ ra bốn yếu tố cần thiết giúp cho trường đại học có khả năng ra quyết định về các vấn đề của mình trong Tuyên bố Lisbon (2007), bao gồm: Tự chủ về cơ cấu, tổ chức, quy trình ra quyết định lựa chọn hiệu trưởng/người đứng đầu, hội đồng

quản trị/hội đồng trường; Tự chủ tài chính; Tự chủ về học thuật (đào tạo và khoa học công nghệ); Tự chủ về nguồn nhân lực là việc tự quyết định tuyển dụng và điều hành nguồn nhân lực sao cho phù hợp với lợi ích của trường. Về quyền tự chủ của cơ sở giáo dục đại học, tổ chức AUCC (Canada) đã đề xuất một danh sách tự chủ đại học gồm các quyền lựa chọn và bổ nhiệm cán bộ; lựa chọn, xét tuyển và kỉ luật sinh viên; thiết lập và kiểm soát chương trình đào tạo; ban hành các quy định tổ chức để triển khai hoạt động khoa bảng; xây dựng chương trình và nguồn tài nguyên hỗ trợ trực tiếp; xác nhận hoàn tất chương trình và cấp phát văn bằng. Khái niệm này có quá nhiều khía cạnh mà mỗi người ở một góc nhìn khác nhau lại có một sự nhấn mạnh khác nhau. Khi so sánh giữa các quốc gia, có thể thấy mức độ tự chủ không giống nhau [8].

Tuy nhiên, sự phân định về vai trò quản trị nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học chỉ có tính chất tương đối vì ngay trong mô hình Nhà nước kiểm soát hoàn toàn thì Nhà nước cũng không thể hoàn toàn kiểm soát được tất cả các nội dung, hoạt động của cơ sở giáo dục đại học và trong mô hình độc lập vẫn có sự can thiệp của Nhà nước. Lịch sử phát triển giáo dục đại học của thế giới và khu vực cho thấy: Vai trò quản trị của Nhà nước không chỉ đi liền với mức độ tự chủ của các đại học mà còn gắn liền với việc tạo ra các điều kiện thuận lợi, xây dựng hệ sinh thái để phát triển hệ thống giáo dục đại học. Điển hình là thực tiễn phát triển tại đại học Havard (của Mỹ) và đại học Bắc Kinh, Thanh Hoa (Trung Quốc). Ở Đại học Havard, vai trò và sự can thiệp của Nhà nước đối với sự phát triển của đại học này là rất mờ nhạt. Các học giả cho rằng, cơ quan quản lí Nhà nước về giáo dục của Hoa Kỳ gần như không làm gì cho sự phát triển của đại học này ngoài việc thực hiện các hợp đồng nghiên cứu có tổng trị giá 15% trong số nguồn thu của Havard; 85% còn lại từ nguồn học phí (20%); quỹ hiến tặng (34%); nghiên cứu khoa học với các tổ chức, doanh nghiệp (4%); quà tặng (7%) và nguồn khác (20%) [9].

e. Khoảng trống nghiên cứu

Việt Nam đã ban hành đầy đủ hệ thống văn bản quy phạm pháp luật về vấn đề chuyển đổi số đối với các cơ sở giáo dục đại học Việt Nam nói chung. Tuy nhiên, chưa có nhiều văn bản quy định, điều chỉnh vấn đề này trong các cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân. Dữ liệu tin cậy về các công bố trong nước và quốc tế cho thấy, tỉ lệ các công bố nghiên cứu về hệ thống giáo dục đại học trong Công an Nhân dân so với hệ thống giáo dục đại học của Việt Nam rất thấp, đặc biệt là các công bố quốc tế. Thực trạng này xuất phát từ nhiều nguyên nhân chủ quan và khách quan khác nhau. Cho đến nay, số nghiên cứu về quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số vẫn còn ít, cần được tập trung nghiên cứu và định

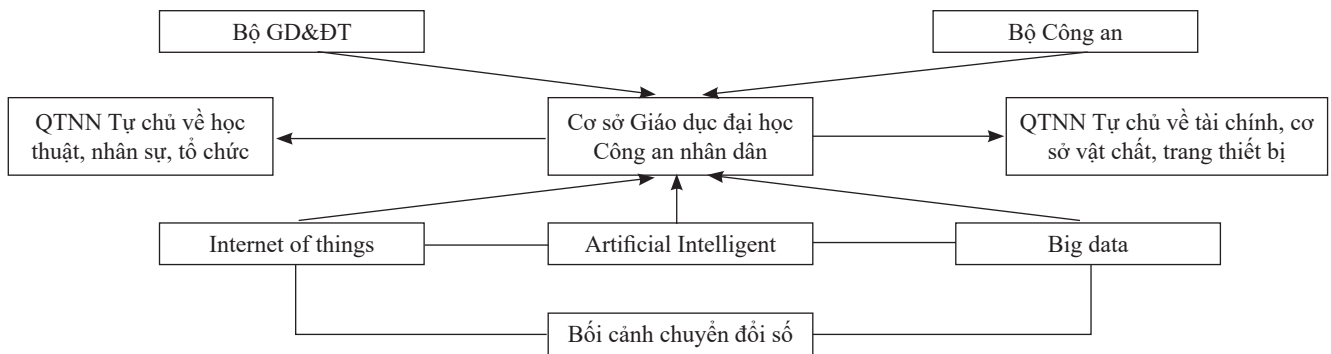
hướng hoàn thiện.

2.3. Thực trạng quản trị nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số

Theo quy định của Luật Giáo dục Đại học ngày 18 tháng 6 năm 2012, Điều lệ trường đại học ban hành kèm theo Quyết định số 70/2014/QĐ-TTg ngày 10 tháng 12 năm 2014 của Thủ tướng Chính phủ quy định về việc thành lập hội đồng trường trong các trường đại học, học viện công lập, hội đồng trường là tổ chức quản trị, đại diện quyền sở hữu của nhà trường. Các cơ sở giáo dục công lập ngoài Công an Nhân dân là đơn vị được giao quyền tự chủ, tự chịu trách nhiệm trong nhiều lĩnh vực. Do đó, việc thành lập hội đồng trường tại các trường đại học, học viện công lập để giám sát việc thực hiện quyền tự chủ, quyền sử dụng các nguồn lực dành cho nhà trường, gắn nhà trường với cộng đồng và xã hội, đảm bảo thực hiện mục tiêu giáo dục là phù hợp. Tuy nhiên, các cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân không tổ chức thành lập hội đồng trường, cụ thể như sau:

Theo quy định của Bộ Công an, các cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân là các đơn vị trực thuộc Bộ Công an. Do đó, tổ chức và hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân phải phù hợp với quy định của Luật Giáo dục và Luật Công an Nhân dân, Nghị định số 01/2018/NĐ-CP ngày 06 tháng 8 năm 2018 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Công an và văn bản khác của Bộ Công an. Luật Công an Nhân dân quy định Công an Nhân dân đặt dưới sự lãnh đạo tuyệt đối, trực tiếp về mọi mặt của Đảng Cộng sản Việt Nam, sự thống lĩnh của Chủ tịch nước, sự thống nhất quản lí nhà nước của Chính phủ và sự chỉ huy trực tiếp của Bộ trưởng Bộ Công an. Bộ trưởng Bộ Công an là người chỉ huy cao nhất trong Công an Nhân dân. Chỉ huy Công an cấp dưới chịu trách nhiệm trước chỉ huy công an cấp trên về tổ chức và hoạt động của đơn vị công an được giao phụ trách. Mặt khác, Điều lệnh nội vụ Công an Nhân dân quy định: Công an Nhân dân tuân thủ “Thực hiện nguyên tắc tập trung dân chủ, tập thể lãnh đạo, cá nhân phụ trách, chế độ một người chỉ huy và quy chế hoạt động của cấp ủy đảng”. Do đó, việc thành lập Hội đồng trường trong các cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân là mâu thuẫn với nguyên tắc tổ chức, hoạt động của Công an Nhân dân.

Tính tự chủ trong các cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân còn hạn chế: Do đặc thù bảo mật trong Công an Nhân dân, Học viện chịu sự điều chỉnh của Luật Công an Nhân dân và sự quản lí nhà nước của Bộ Công an nên tính tự chủ trong giáo dục đại học tại Học viện còn thật sự chưa cao, mặc dù theo Thông tư số 38/2010/TT-BGDĐT và Thông tư số 09/2017/TT-BGDĐT việc thẩm định điều kiện thực tế (giảng viên, cơ sở vật chất) thuộc thẩm quyền của cơ sở giáo dục đào tạo và việc



Hình 1: Mô hình quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số (Nguồn: Tác giả thiết kế)

thẩm định chương trình đào tạo thuộc quyền tự chủ của cơ sở đào tạo. Theo đó, cơ sở đào tạo tự chủ về kiểm tra và thống kê điều kiện thực tế, xây dựng, thẩm định, ban hành chương trình đào tạo và đảm bảo chất lượng đào tạo. Do nhiều yếu tố đặc thù, việc xếp hạng trường đại học trong Bộ Công an khó để thực hiện. Ví dụ, một số tiêu chí về công trình nghiên cứu khoa học chỉ lưu hành nội bộ, bài báo quốc tế không liên quan đến lĩnh vực nghiệp vụ an ninh, tỉ lệ biên chế giảng viên/học viên phụ thuộc vào biên chế của Bộ Công an; Về mức độ tuyển dụng, học viên ra trường được tuyển dụng và phân công nhiệm vụ theo quy định của Bộ Công an.

2.4. Đề xuất định hướng, mục tiêu và mô hình quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số

a. Hoàn thiện thể chế làm yếu tố nền tảng trong quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số

Xây dựng chiến lược, chính sách quốc gia về chuyển đổi số trong giáo dục đại học; Hoàn thiện hệ thống pháp luật về quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số; Xây dựng cơ chế, chính sách khuyến khích và bảo vệ sự đổi mới sáng tạo của tổ chức, cá nhân trong các cơ sở đào tạo; Tập trung phát triển hệ sinh thái đổi mới sáng tạo, có chính sách để phát triển mạnh đối với đề án, chương trình cấp thiết về chuyển đổi số trong giáo dục đại học; Xây dựng hệ thống chính sách khuyến khích cơ sở giáo dục đại học lựa chọn, tiếp nhận những công nghệ tiên tiến của thế giới; Rà soát lại các chiến lược, chương trình hành động, đề xuất xây dựng kế hoạch và các nhiệm vụ trọng tâm theo kế hoạch ngắn hạn, trung hạn và dài hạn để triển khai phù hợp với xu thế phát triển trong bối cảnh chuyển đổi số; Xây dựng chiến lược chuyển đổi số, nền quản trị thông minh, ưu tiên phát triển công nghệ số trong các cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân.

Nghiên cứu, đề xuất hướng hoàn thiện khung pháp lý về vấn đề quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại

học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số... Rà soát, xây dựng các văn bản hướng dẫn thi hành về vấn đề liên quan đến chuyển đổi số trong giáo dục đại học để đánh giá một cách toàn diện các quy định của pháp luật hiện hành.

Định hướng và mục tiêu quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số

Trong bối cảnh chuyển đổi số mạnh mẽ như hiện nay, Nhà nước cần: Chuyển đổi mô hình quản lý từ kiểm soát sang giám sát; Tăng tính hiệu lực, hiệu quả của quản lý Nhà nước, giảm sự can thiệp của Nhà nước đối với các đại học. Đồng thời, Nhà nước cần triển khai nhanh chóng kế hoạch giao quyền tự chủ đại học cho các trường đại học theo lộ trình khoa học và hợp lý, bảo đảm nhiệm vụ chính trị đối với các cơ sở giáo dục đại học đặc thù này; trên cơ sở đó tiến hành phân hạng đại học dựa trên nền tảng của văn hóa chất lượng do mỗi trường đại học cam kết và tạo ra. Mục tiêu quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số là: Tạo ra hệ sinh thái cho cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân phát triển ổn định và bền vững; Hội nhập với các cơ sở giáo dục đại học trong nước, khu vực và quốc tế, thực hiện tốt nhiệm vụ quốc phòng, an ninh.

b. Mô hình quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số

Từ những phân tích nêu trên, tác giả đề xuất Mô hình quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học Công an Nhân dân trong bối cảnh chuyển đổi số được thể hiện như sau (xem Hình 1).

3. Kết luận

Hiểu đúng về chuyển đổi số trong quản trị, quản lý giáo dục đại học, quản trị nhà nước đối với các cơ sở giáo dục đại học nói chung và cơ sở đại học Công an Nhân dân nói riêng sẽ đánh giá đúng thực trạng, xác định và dự báo đúng các thách thức và vấn đề đặt ra để xây dựng lộ trình thực hiện quản trị nhà nước đối với cơ sở giáo dục đại học trong bối cảnh chuyển đổi số hợp lý

nhằm nhanh chóng nâng cao chất lượng, hiệu quả đào tạo có ý nghĩa rất quan trọng với cơ sở giáo dục đại học trong giai đoạn hiện nay. Quản trị nhà nước hoạt động chuyển đổi số trong cơ sở giáo dục đại học cần được xem là giải pháp lâu dài, mang tính chiến lược, gắn với những cải cách mạnh mẽ, triệt để trong giảng dạy, học tập và quản lý đào tạo chứ không phải là giải pháp tình

huống ứng phó với COVID. Trong quản trị nhà nước, hoạt động chuyển đổi số đối với giáo dục đại học thì quan trọng nhất chính là quyết tâm chính trị cao của người đứng đầu cơ sở giáo dục đại học và nhận thức sẵn sàng thay đổi của đội ngũ cán bộ, giảng viên trong cơ sở giáo dục đại học của ngành Công an.

Tài liệu tham khảo

- [1] Thủ tướng, (03/6/2020), *Quyết định số 749/QĐ-TTg phê duyệt Chương trình Chuyển đổi số quốc gia đến năm 2025, định hướng đến năm 2030*.
- [2] Smarter education with IBM, <https://www-935.ibm.com/services/multimedia/Framework-Smarter-Education-With-IBM.pdf/> (accessed 15 March 2022).
- [3] <http://hvcsnd.edu.vn/nghien-cuu-trao-doi/dai-hoc-40/chuyen-doi-so-trong-linh-vuc-giao-duc-va-dao-tao-thuc-trang-va-giai-phap-6886>.
- [4] <https://www.quanlynhanuoc.vn/2021/07/06/khai-niem-vai-tro-dac-diem-cua-quan-tri-nha-nuoc/>.
- [10] Tanya Fitzgerald - Helen Gunter, (2009), *Educational Administration and History: The state of the field*, Publisher: London; New York: Routledge.
- [5] Văn Tất Thu, (3/2021), *Năng lực cạnh tranh quốc gia và các thách thức cần vượt qua*. Tạp chí Quản lý nhà nước, số 302.
- [6] Văn Tất Thu, (2018), *Vai trò của Nhà nước trong cung ứng dịch vụ công*, Tạp chí Tổ chức nhà nước, số 2.
- [7] Nguyễn Anh Tuấn, (2018), *Vai trò của Nhà nước trong chiến lược triển khai tự chủ đại học tại Việt Nam*, Tạp chí Khoa học Giáo dục Việt Nam, tr.7-11.
- [8] https://vi.wikipedia.org/wiki/Hi%E1%BB%87p_%C6%B0%E1%BB%9Bc_Lisbon.
- [9] Văn Tất Thu, (2021), *Quản trị - yếu tố quyết định sự tồn tại và phát triển bền vững của trường đại học*, Tạp chí Kinh doanh và Công nghệ, số 13.
- [10] Chính phủ, (09/6/2014), *Nghị quyết số 44/NQ-CP ban hành Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04 tháng 11 năm 2013 về Đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế*.
- [11] Siran Mukerji - Purnendu Tripathi, (2016), *Handbook of Research on Administration, Policy, and Leadership in Higher Education*, Published by Igi Global, United States.
- [12] Kristina Powers - Patrick J. Schloss, (2017), *Organization and Administration in Higher Education*, Publisher: London ; New York: Routledge.
- [13] Mark Nichols, (2020), *Transforming Universities with Digital Distance Education The Future of Formal Learning*, Published May 14, 2020 by Routledge.
- [14] Mai Ngọc Anh (Chủ biên), *Quản lý nhà nước về giáo dục đại học: Kinh nghiệm của Trung Quốc và khuyến nghị đối với Việt Nam*, NXB Chính trị Quốc gia Sự thật.
- [15] Bộ Chính trị, (27/9/2019), *Nghị quyết 52-NQ/TW về Một số chủ trương, chính sách chủ động tham gia cuộc Cách mạng công nghiệp lần thứ tư*.

THE STATE MANAGEMENT ON HIGHER EDUCATION INSTITUTIONS OF PEOPLE'S PUBLIC SECURITY IN THE CONTEXT OF DIGITAL TRANSFORMATION: THEORY AND PERFECTION ORIENTATION

Nghiêm Xuân Dũng

Email: dungnx.psa@gmail.com
 People's Security Academy
 125 Tran Phu, Van Quan ward,
 Ha Dong district, Hanoi, Vietnam

ABSTRACT: *It's an important and central mission of innovating the education and training system of Vietnam today is to continue building and orienting in order to perfect the state management of higher educational institutions in the context of digital transformation. To achieve the goals and requirements, there should be a scientific, methodical course of action as well as a feasible, suitable and effective pathway, aiming at identifying specific goals for the state management of higher educational institutions of the People's Public Security (PPS) forces. Furthermore, the author studies and proposes a model of state management of 10 given institutions. Besides, the state management plays the role of immensely interfering the orientation and operation of PPS higher educational institutions in the context of digital transformation. The paper also indicates the advantages and challenges offered by the digital transformation to the state management operations and to PPS higher educational institutions.*

KEYWORDS: State management, higher education, higher education institutions, People's Public Security, digital transformation.